

Số: /BC-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (KTTT) GIAI ĐOẠN 2011 – 2020

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Sở Khoa học và Công nghệ không có số liệu báo cáo về đặc điểm chung của các tổ chức KTTT (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã), vai trò của HTX trong phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế- xã hội tại địa phương, tạo việc làm, an sinh xã hội; tình hình phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực.

II. KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU VỰC KTTT, HTX

1. Khung khổ pháp lý

Trong giai đoạn từ 2011-2012 và giai đoạn từ 2013-2020, Sở Khoa học và Công nghệ không chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản liên quan đến hướng dẫn thực hiện Luật HTX năm 2003 và Luật HTX năm 2012.

2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX

Sở Khoa học và Công nghệ không được giao kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX, cụ thể: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chính sách hỗ trợ thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX; chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX; chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội (các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện an sinh xã hội; hỗ trợ kinh tế hộ và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương); chính sách thành lập mới HTX, Liên hiệp HTX.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, Sở đã tích cực tham gia ý kiến vào các cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ phát triển KTTT, HTX, trong đó có các nội dung tập trung hỗ trợ giống, vật tư, xây dựng các mô hình sản xuất; tập huấn, đào tạo nghề, thăm quan học tập kinh nghiệm; hạ tầng, nhà sơ chế, kho bảo quản; xây dựng thương hiệu, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng; thông tin tuyên truyền, tiêu thụ sản phẩm; thành lập HTX; vay vốn, lãi suất, miễn giảm tiền thuê đất.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT như: Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 211-KH/UBND ngày 30/9/2018 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020,...

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trong đó đối tượng hỗ trợ là các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ gia đình, cá nhân. Nội dung hỗ trợ tập trung vào hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ lãi suất; hỗ trợ tập trung đất đai; hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tem nhãn, bao bì đóng gói sản phẩm, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn, tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp; hỗ trợ tham gia triển lãm trong và ngoài nước dành riêng cho khu vực HTX; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 800/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 và Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 800/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức KTTT tham gia các đề tài, dự án KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở.

2.2.2. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp

Sở Khoa học và Công nghệ không được giao kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp, cụ thể: Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; chính sách giao đất, cho thuê đất; chính sách ưu đãi về tín dụng; chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm.

2.2.3. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác

Sở Khoa học và Công nghệ không được giao kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp, cụ thể: Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho cán bộ HTX; chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí; chính sách hỗ trợ

liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX.

3. Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX

Sở Khoa học và Công nghệ đã tham gia ý kiến vào Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Phát triển kinh tế tập thể tỉnh; đăng ký danh sách thành viên để tham gia Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 413/SKHĐT-DNKTTT&TN ngày 28/02/2020.

Thực hiện các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về HTX, LH HTX theo quy định: Báo cáo số 72/BC-KHCN ngày 04/5/2017 tình hình thực hiện các Chương trình hỗ trợ HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2014-2016; Báo cáo số 55/BC-KHCN ngày 18/3/2019 tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 88/BC-KHCN ngày 06/5/2019 tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg và Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025; Báo cáo số 194/BC-KHCN ngày 02/8/2019 tình hình thực hiện Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, LH HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Báo cáo số 317/BC-KHCN ngày 29/11/2019 tình hình kinh tế tập thể năm 2019, nhiệm vụ giải pháp năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế số 419/2015/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND tỉnh theo Công văn số 2817/SKHĐT-ĐKKD ngày 18/12/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Báo cáo số 36/BC-KHCN ngày 26/02/2020 kết quả thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác triển khai thi hành Luật HTX năm 2012,...

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 03/KH-KHCN ngày 15/01/2015 thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Kế hoạch số 105/KH-KHCN ngày 26/8/2019 kế hoạch phát triển KTTT năm 2020,...

4. Hợp tác quốc tế về KTTT

Sở Khoa học và Công nghệ không có hoạt động hợp tác quốc tế về KTTT.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX

1. Thành tựu, vị trí, vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Kết quả hỗ trợ thành lập các HTX, hội, hiệp hội

Hỗ trợ triển khai và thành lập các HTX, hội, hiệp hội từ các dự án KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh như: Dự án xây dựng chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn; nhãn hiệu chứng nhận gà đồi Yên Thế, miến dong Sơn Động, bưởi Hiệp Hòa, chè Yên Thế; nhãn hiệu tập thể mỳ Chũ, mỳ Ké,... nhằm nâng cao danh tiếng, hỗ trợ xúc tiến thương mại cho các HTX, hội sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

1.2. Kết quả hỗ trợ xây dựng thương hiệu

Từ nguồn vốn ngân sách sự nghiệp KH&CN trung ương, của tỉnh Bắc Giang đã hỗ trợ các HTX, Hội xây dựng và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp, cụ thể:

- Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Gà đồi Yên Thế” cho sản phẩm gà đồi của huyện Yên Thế;
- Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Gạo thơm Yên Dũng” dùng cho sản phẩm gạo thơm của huyện Yên Dũng;
- Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Miến dong Sơn Động” dùng cho sản phẩm miến dong của huyện Sơn Động;
- Bảo hộ và quản lý quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm “Sâm Nam núi Dành” của tỉnh Bắc Giang;
- Xây dựng và đề xuất hệ thống quản lý nhãn hiệu tập thể “Mỳ Chũ”;
- Xây dựng và đề xuất hệ thống quản lý nhãn hiệu tập thể “Gạo thơm Yên Dũng”;
- Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận bưởi Hiệp Hòa- Bắc Giang;
- Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Chè Yên Thế” dùng cho sản phẩm chè khô của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trên là 7.851.230.000 đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN trung ương là 5.036.880.000 đồng, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh là 1.887.250.000 đồng, kinh phí đối ứng của các đơn vị là 927.100.000 đồng. Việc tạo lập, quản lý và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng cho sản phẩm nông nghiệp của các nhóm hộ gia đình, các HTX trên địa bàn tỉnh (*Phụ lục I*).

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 802/KH-UBND ngày 02/4/2014 về việc phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2014-2020. Ngoài ra, Sở KH&CN còn hỗ trợ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh với mức 10.000.000 đồng/1 HTX để xây dựng thương hiệu, như: HTX mật ong hữu cơ Sơn Động; HTX bánh đa nem, mỳ Thổ Hà; HTX dịch vụ vận tải, kinh doanh hàng nông sản Mạnh Cường; Hội chăn nuôi lợn sạch Tân Yên,... Tổ chức lồng ghép hội nghị với Liên minh HTX tỉnh giới thiệu các chính sách của nhà nước, của tỉnh về xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm; hướng dẫn các đơn vị xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ theo đúng quy định.

1.3. Kết quả hỗ trợ hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN, đổi mới phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị

Trong những năm qua, Sở KH&CN đã tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh phê duyệt 15 đề tài, dự án hỗ trợ HTX thực hiện mô hình ứng dụng KH&CN vào phát triển sản xuất với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh

là 24.390.780.000 đồng. Thông qua các đề tài, dự án đã đưa những tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ bảo quản sau thu hoạch hỗ trợ các HTX, điển hình như:

- Liên minh HTX tỉnh chủ trì triển khai đề tài "*Đánh giá thực trạng các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đề xuất giải pháp và mô hình phát triển hợp tác xã trong thời kỳ hội nhập*". Đề tài đã thực hiện nội dung điều tra về kết quả hoạt động của các HTX, các chính sách tiền lương, BHXH cho người lao động, các chính sách của nhà nước để phát triển kinh tế khu vực HTX, đề tài đã đề xuất giải pháp và mô hình phát triển hợp tác xã trong thời kỳ hội nhập. Hỗ trợ HTX Thân Trường đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ thuật canh tác chè, hỗ trợ vật tư phân bón cho thành viên và người lao động trong HTX, với việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật năng suất chè tăng từ 60 - 90 kg chè tươi/sào, tăng thu nhập từ sản xuất chè.

- HTX Rau sạch Yên Dũng triển khai mô hình sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP cho các loại rau (dưa thơm, cà chua, dưa lê...) trong 1 ha nhà lưới mái vòm tiêu chuẩn, kết hợp với hệ thống tưới nhỏ giọt, tiết kiệm nước và phân bón, năng suất dự kiến tăng 10- 15% so với sản xuất thông thường; Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP cho một số loại rau ăn lá, ăn củ (cải các loại, xà lách, su hào trái vụ...) trong 2 ha nhà lưới đơn giản, sử dụng hệ thống tưới phun, năng suất tăng 10- 15% so với sản xuất thông thường; Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn ngoài đồng ruộng đạt tiêu chuẩn VietGAP cho một số chủng loại rau: dưa chuột, xà lách, bắp cải, súp lơ, bí xanh, su hào, đậu cô ve, cà chua trái vụ,... rau ăn lá, củ, quả với quy mô 60 ha/6 vụ sản xuất, năng suất dự kiến tăng 10-15% so với sản xuất thông thường;

Triển khai các mô hình thuộc đề tài, dự án có HTX tham gia như:

Các HTX Nông nghiệp Quang Trung, HTX Nông nghiệp Hà Anh, HTX Rau sạch Yên Dũng, HTX Đại Lâm,... đã ứng dụng KH&CN về giống mới để mở rộng vùng sản xuất khoai tây của tỉnh, triển khai mô hình sản xuất giống và sản xuất khoai tây thương phẩm giống nhập khẩu (giống Nicola và Atrice) quy mô 70 ha theo chuỗi giá trị, dự kiến năng suất đạt trên 21 tấn/ha; triển khai mô hình bảo quản khoai tây bằng công nghệ kiểm soát môi trường. Ngoài ra HTX Rau sạch Yên Dũng còn ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình trồng dưa lê Hàn Quốc (Super 007).

HTX Sản xuất Nông nghiệp Tiên Tiến ứng dụng tiến bộ về sản xuất giống dịch thể triển khai sản xuất thương phẩm giống nấm mộc nhĩ quy mô 40 tấn nguyên liệu, năng suất đạt 65-70kg nấm khô/1 tấn nguyên liệu, hiệu quả kinh tế cao hơn nấm mộc nhĩ truyền thống mà trước đây HTX sản xuất. HTX Dược liệu Lựu Chanh triển khai mô hình thâm canh trà hoa vàng với quy mô 0,7 ha, góp phần phát triển vùng dược liệu trên địa bàn huyện Sơn Động. HTX Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vú sữa Hợp Đức tham gia mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng vú sữa.

Ngoài các mô hình về trồng trọt, các HTX còn ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để phát triển chăn nuôi như: HTX Nông nghiệp xanh Yên Thế và HTX Đồng Tâm tham gia thực hiện mô hình nuôi thương phẩm giống gà ri lai và gà VP34 quy mô 20 nghìn con, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 94%, khối lượng đạt trên 2kg/con sau 4 tháng nuôi.

HTX sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả huyện Lục Ngạn ứng dụng màng sinh học chitosan kết hợp với axit axetic để bảo quản cam đường canh với quy mô 500 kg giúp kéo dài thời gian bảo quản đến 60-70 ngày, góp phần nâng cao giá trị của quả cam đường canh, nâng cao thu nhập cho người sản xuất. HTX sản xuất tiêu thụ rau an toàn Cảnh Thụy Yên Dũng sản xuất 18 ha rau trái vụ; nhà lưới với diện tích 2.880 m². HTX Thân Trường xây dựng mô hình sản xuất chè với quy mô 1,5 ha chè 6-7 năm tuổi. HTX nông nghiệp Tân Hưng sản xuất 100 ha lúa Nhật Japonica,... Tỉnh Bắc Giang đã bố trí ngân sách sự nghiệp KH&CN hỗ trợ HTX Bình Minh ứng dụng, triển khai bảo quản vải thiều bằng công nghệ CAS của Nhật Bản với quy mô bảo quản 05 tấn, giúp kéo dài thời gian bảo quản quả vải đến 12 tháng (*Phụ lục II*).

Thông qua các đề tài, dự KH&CN đã hình thành các mô hình sản xuất nông sản hàng hóa như: mô hình sản xuất nấm thương phẩm, khoai tây, vú sữa, chè Yên Thế, lợn sạch Tân Yên,... góp phần tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động. Đặc biệt, góp phần hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh tổ chức các hội nghị giới thiệu các quy định của nhà nước về nghiên cứu- ứng dụng KH&CN. Hướng dẫn các HTX thủ tục hành chính khi tham gia các đề tài, dự án KH&CN; nắm bắt nhu cầu của các HTX trong nghiên cứu khoa học. Tổ chức lồng ghép hội nghị với Liên minh HTX tỉnh giới thiệu các chính sách của nhà nước về hỗ trợ đổi mới công nghệ. Hướng dẫn các tổ chức KTTT, HTX có nhu cầu xây dựng thương hiệu sản phẩm và nghiên cứu khoa học thông qua thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở đề nghị liên hệ trực tiếp với Sở KH&CN để được hướng dẫn thực hiện (*Công văn số 255/KHCN-QLKH ngày 16/4/2018 của Sở KH&CN*).

Bên cạnh đó Trung tâm Ứng dụng KH&CN trực thuộc Sở KH&CN đã triển khai nhiều đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp, xử lý môi trường nông thôn đến các HTX¹.

¹ Các kỹ thuật: trồng một số giống hoa chất lượng cao như hoa Lily, hoa layon, hoa loa kèn, hoa hồng, hoa đồng tiền; sản xuất rau an toàn, rau mầm, rau thủy canh; kỹ thuật trồng cà chua; sản xuất và bảo quản giống khoai tây sạch bệnh bằng kho lạnh; chăn nuôi gà thịt, gà đẻ; chăn nuôi cá trắm đen kết hợp nuôi tôm càng xanh nước ngọt; chăn nuôi thỏ Newzealand; chăn nuôi lợn hướng nạc, lợn rừng; nuôi thâm canh cá rô đầu vuông; xử lý ủ rơm rạ làm phân hữu cơ ngay tại đồng ruộng; làm độn lót sinh thái trong chăn nuôi gà, lợn; ủ men vi sinh hoạt tính làm thức ăn cho gia súc, gia cầm,... Các công nghệ: sản xuất cây giống bằng nuôi cấy mô tế bào thực vật: hoa lan, hoa cúc, hoa đồng tiền, bạch đàn, dứa Cayen, chuối tiêu hồng; sản xuất giống nấm và nuôi trồng một số nấm ăn và nấm dược liệu; xử lý ô nhiễm môi trường bằng hầm khí sinh học Biogas composite, chế phẩm vi sinh vật EMINA; sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phân gà độn trấu và từ rơm rạ; xử lý nước sinh hoạt bị nhiễm sắt; Quy trình sản xuất chế phẩm Fitô Biomix RR ủ rơm rạ làm phân hữu cơ; Quy trình công nghệ lấp đất và vận hành lò đốt rác thải sinh hoạt.

1.4. Kết quả hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Trung tâm Ứng dụng KH&CN đã tổ chức được 110 hội nghị tập huấn chuyên giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho hơn 5.500 lượt người dân về các kỹ thuật như: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, xử lý môi trường, công nghệ sinh học...qua đó góp phần nâng cao kiến thức, tay nghề cho các xã viên, người dân, phát triển sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế.

1.5. Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, có sản phẩm được chứng nhận hợp chuẩn, đạt giải thưởng chất lượng

Từ năm 2006 đến nay, Sở KH&CN đã hỗ trợ 124 lượt doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, có sản phẩm được chứng nhận hợp chuẩn, đạt giải thưởng chất lượng với tổng kinh phí 2.426.000.000 đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ 103 lượt doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng với kinh phí 2.267.000.000 đồng.

- Hỗ trợ 15 lượt doanh nghiệp có sản phẩm hợp chuẩn với kinh phí 105.000.000 đồng;

- Hỗ trợ lượt 06 doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng với kinh phí 54.000.000 đồng.

(Phụ lục III)

Ngoài ra, đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá nâng cao nhận thức về năng suất chất lượng cho cộng đồng. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về năng suất chất lượng; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; KH&CN cho doanh nghiệp, nhà quản lý, người lao động, người tiêu dùng (*Có Phụ lục IV, V kèm theo*).

1.6. Kết quả hoạt động thông tin, tuyên truyền

Công tác thông tin tuyên truyền về KH&CN được quan tâm. Thông qua các hình thức tuyên truyền như: Tập huấn, hội thảo KH&CN, phát hành các tờ rơi, báo chí, ấn phẩm, lịch KH&CN nhiều tiến bộ KHKT đã đến với người dân làm cho người dân hiểu và áp dụng trong sản xuất làm tăng năng suất và nâng cao đời sống nhân dân. Hàng năm, các huyện, thành phố đã tổ chức các lớp tập huấn tiến bộ kỹ thuật, đã phát hành hàng nghìn tờ rơi về quy trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp cho bà con nông dân; phối hợp với Đài truyền thanh đưa hàng nghìn tin, bài về các hoạt động KH&CN.

Sở KH&CN cung cấp miễn phí hàng nghìn cuốn Bản tin KH&CN, lịch KH&CN (Nông lịch) phục sản xuất nông nghiệp, nông thôn phát hành đến các cụm Bru điện - Văn hóa xã, các làng văn hóa,... Cung cấp 10.000 cuốn Quy trình kỹ thuật các loại cây, con có năng suất cao phù hợp với điều kiện của Bắc Giang phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Cung cấp cơ sở dữ liệu các quy trình công nghệ cho các địa phương; phim KH&CN hướng dẫn cho bà con nông dân các quy trình kỹ thuật bằng hình ảnh sinh động, dễ hiểu, dễ áp dụng. Hướng dẫn các địa phương khai thác thông tin KH&CN trên mạng internet. Cơ sở dữ liệu về KH&CN hiện có

hàng trăm bộ phim và hàng nghìn quy trình kỹ thuật. Các ấn phẩm thông tin KH&CN ngoài việc phát hành trên hệ thống chung, còn phối hợp với Hội Nông dân tỉnh, các Trung tâm KH&CN, các cán bộ chỉ đạo sản xuất trực tiếp hướng dẫn đến người nông dân.

2. Tồn tại, hạn chế

- Chưa xây dựng được nhiều mô hình HTX kiểu mới ứng dụng KH&CN với quy mô lớn, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản.

- Quy mô sản xuất của đa số HTX còn nhỏ, manh mún, khó khăn cho việc tập trung sản xuất quy mô lớn để ứng dụng tiến bộ KH&CN. Việc tìm kiếm thị trường đầu ra mang tính ổn định, lâu dài cho sản phẩm chưa được nhiều HTX quan tâm thực hiện.

- Việc ứng dụng KH&CN trong sản xuất kinh doanh, kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, thương mại hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu còn khó khăn đối với các HTX, nhất là đối với HTX mới thành lập.

3. Nguyên nhân

- Một số nội dung hỗ trợ trong lĩnh vực KH&CN như đào tạo, tập huấn, hỗ trợ vật tư, giống, trang thiết bị máy móc,.. thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể nên còn bất cập.

- Năng lực nội tại của các tổ chức KTMT còn hạn chế, đa phần còn thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm và nhân lực để đối ứng khi tham gia các hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN.

- Nguồn lực để thực hiện chính sách hỗ trợ HTX còn thấp, chưa tương xứng với nhu cầu thực tiễn.

- Vốn của các HTX còn hạn chế, đây là rào cản lớn trong đầu tư ứng dụng KH&CN để sản xuất kinh doanh.

4. Bài học kinh nghiệm

Để bảo đảm tính thống nhất, tạo điều kiện cho các HTX tiếp cận đầy đủ và hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh việc ban hành một văn bản chung quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh để thống nhất thực hiện là rất cần thiết.

Trong sản xuất nông nghiệp phải đẩy nhanh việc tích tụ ruộng đất tạo thành những cánh đồng có diện tích phù hợp để đưa cơ giới hóa vào sản xuất, tạo vùng sản xuất tập trung, trong đó việc dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu được xác định là một trong những giải pháp thiết yếu trong khuyến khích các HTX, tổ hợp tác đầu tư vào nông nghiệp. Trong thực hiện dồn điền đổi thửa, địa phương cần có hướng hỗ trợ HTX duy trì và phát triển sản xuất trên diện tích đất đai đã được dồn đổi, song song là vấn đề quản lý chất lượng và xây dựng thương hiệu,

nhãn hiệu cho nông sản. Đây là những vấn đề cần thực hiện để bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của các HTX sản xuất, chế biến nông sản.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

I. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

1. Tình hình quốc tế

- Xu thế và nhu cầu sản phẩm hàng hóa an toàn, chất lượng ngày càng cao, đặc biệt là các hàng nông sản có cơ hội rất lớn xuất khẩu sang các thị trường khó tính, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia, trong đó có Việt Nam đòi hỏi sản phẩm, hàng hóa không ngừng phải nâng cao năng suất, chất lượng, cải tiến mẫu mã và có giá thành cạnh tranh đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Phát triển mô hình HTX trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại những thách thức lớn đòi hỏi các HTX phải bắt kịp xu hướng sản xuất mới có trình độ kỹ thuật cao, chuyên nghiệp.

2. Tình hình đất nước

- Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về KTTT; Luật HTX năm 2012 đã tạo khung pháp lý quan trọng khuyến khích phát triển KTTT, HTX trong giai đoạn tới.

- Nhu cầu sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng, an ninh lương thực là xu thế tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

- Sự biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế tạo ra thời cơ nhưng cũng là những thách thức lớn dẫn đến sự cạnh tranh các sản phẩm, hàng hóa.

3. Cơ hội và thách thức đối với khu vực KTTT, HTX

3.1. Cơ hội

Khu vực KTTT, HTX có cơ hội mở rộng thị trường, ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3.2. Thách thức

Bên cạnh cơ hội, khu vực KTTT, HTX sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức: Về cạnh tranh thị trường, nguồn nhân lực trong HTX, dễ bị ảnh hưởng của tác động bên ngoài, không đủ năng lực thích ứng với tình hình mới và bị tụt hậu ngày càng xa hơn về công nghệ; tác động của biến đổi khí hậu...

4. Dự báo xu hướng phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030

- Yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm, sản phẩm hữu cơ có truy xuất nguồn gốc rõ ràng.
- Xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu.
- Xây dựng mô hình hợp tác, liên kết trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. KTTT mà nòng cốt là HTX có một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội địa phương và đất nước.
2. Phát triển KTTT có ý nghĩa về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, trật tự xã hội, nhất là ở nông thôn.
3. Khuyến khích phát triển KTTT nhanh và bền vững với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; xuất phát từ nhu cầu của người dân, tổ chức tham gia, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của cả nước.
4. Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với phát triển KTTT, HTX; huy động lực lượng xã hội và nguồn lực trong và ngoài nước tham gia thúc đẩy phát triển KTTT, HTX.
5. KTTT, HTX kiểu mới vẫn là xu hướng lựa chọn phát triển, đặc biệt là đối với cư dân nông nghiệp, nông thôn; là phương thức để cư dân nông nghiệp, nông thôn thoát nghèo và vươn lên làm giàu.
6. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT, tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến cho KTTT, trong đó HTX nông nghiệp là nòng cốt.
7. Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là HTX với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành các tổ hợp nông- công nghiệp- dịch vụ công nghệ cao.

III. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT nhất là đối với HTX nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Xây dựng và phát triển mô hình KTTT, HTX nhanh và bền vững; phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống thành viên; phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều nhân dân, hộ kinh tế cá thể và tổ chức tham gia KTTT, HTX.

2. Các mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục củng cố, đổi mới, phát triển KTTT, HTX. Gắn việc phát triển HTX nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao và sản phẩm từ nghề truyền thống qua mô hình HTX kiểu mới.

- Từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên HTX thông qua hình thức KTTT, HTX.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Định hướng chung

Khuyến khích phát triển KTTT trên các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; các hình thức mở rộng quy mô thành viên; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh; sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết với doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích thành viên.

2. Định hướng phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực

Phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực phải phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và điều kiện thực tế xã hội. Quan tâm, hỗ trợ các tổ chức KTTT ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, kinh doanh; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; phát triển KTTT, HTX trong xây dựng nông thôn mới; phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị; phát triển KTTT, HTX tại các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ; tạo lập, quản lý và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức KTTT.

Phần thứ ba

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về KTTT, HTX để hiểu rõ đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư để phát triển bền vững, giúp các HTX, tổ hợp tác ổn định và phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành tham mưu cấp có thẩm quyền hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách hỗ trợ các tổ chức KTTT phát triển sản xuất, kinh doanh.

3. Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTC gắn

liên với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực KTTT, HTX, liên hiệp HTX; phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng các thành viên HTX, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế.

5. Hỗ trợ, xây dựng các mô hình KTTT, HTX kiểu mới ứng dụng khoa học và công nghệ phù hợp với bối cảnh Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

6. Tư vấn, hỗ trợ các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

7. Tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước và thị trường để hỗ trợ các mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị làm cơ sở để triển khai nhân rộng. Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ các HTX, tổ hợp tác ứng dụng KH&CN trong sản xuất làm đòn bẩy, động lực để phát triển lâu dài. Việc hỗ trợ vốn, khuyến khích các thành viên thuộc các HTX ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cùng với tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới trong sản xuất; cơ chế hỗ trợ căn cứ vào đầu ra sản phẩm nên được quan tâm phát triển để thu hút các HTX, tổ hợp tác chủ động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào sản xuất. Đồng thời khi các HTX, tổ hợp tác đã dành một phần lợi nhuận đóng góp vào quỹ phát triển KH&CN thì nhà nước cần có các quy định để sử dụng quỹ được thuận lợi và có hiệu quả nhất.

8. Bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai thông qua mô hình KTTT, HTX, liên hiệp HTX.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhằm tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh, Sở KH&CN có một số đề xuất, kiến nghị sau:

Thứ nhất, Các bộ, ngành tiếp tục ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản hướng dẫn chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX để tạo điều kiện cho các địa phương triển khai thực hiện.

Thứ hai, Tăng đầu tư kinh phí cho hoạt động KH&CN để hỗ trợ phát triển HTX, liên hiệp HTX, đặc biệt hỗ trợ phát triển HTX, liên hiệp HTX tham gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp. Lồng ghép các nguồn vốn (Quỹ hỗ trợ phát triển HTX) với nguồn khác để ứng dụng KH&CN để phát triển nông nghiệp.

Thứ ba, Đề nghị các HTX tiếp tục bố trí nguồn lực, địa điểm để tiếp nhận các mô hình ứng dụng KH&CN, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, liên kết với doanh nghiệp nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị.

Thứ tư, Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phát triển KTTT, HTX; ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong sản xuất.

Trên đây là báo cáo định hướng, chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030, Sở KH&CN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KH&CN.

Bản điện tử:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình